

Chương III

NGHỆ THUẬT CÂU ĐỐI VỀ ẨM THỰC

1. Công thức xây dựng câu đối

Câu đối dân gian là một thể loại thuộc về văn học dân gian nên cũng sử dụng những thủ pháp nghệ thuật dân gian để hình thành nên tiểu loại này. Nhận định về nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong câu đối nói chung và câu đối ẩm thực dân gian nói riêng thì chúng tôi nhận thấy, câu đối dân gian không sử dụng nhiều thủ pháp liên quan đến nghệ thuật ngôn từ dân gian. Vì đặc tính chủ yếu của câu đối là đối - đáp; đối - giải đối cho đối tượng đại đa số dân chúng nên các câu đối đều có chung đặc điểm là dễ hiểu. Thông tin về vật đối thường gây gọn và hình ảnh ví von gần gũi với vật đối. Như vậy, tính trực tiếp về lời nói và hình ảnh trong câu đối là những gợi ý nhanh cho người giải đối. Bởi tính truyền miệng của câu đối luôn gắn với hình thức đối nên những công thức khá đơn giản trong nghệ thuật ngôn từ thường được sử dụng nhiều lần và cũng tỏ ra hữu hiệu. Chẳng hạn:

Bánh gì... + ... đặc điểm loại bánh.

Con gì... + ... đặc điểm con vật.

Cái gì... + ... đặc điểm đồ vật.

Từ công thức chung, người ta gán thông tin để tạo ra câu đố nhằm mục đích đố - giải nhưng không phải để phân biệt, tranh giành thắng - thua mà mục đích cao nhất là tạo niềm vui. Đây là một dạng tri thức dân gian được thực hành truyền dạy trực tiếp trong đời sống một cách nghệ thuật. Tính nghệ thuật thể hiện là cách làm mới mẻ, khác lạ đặc tính vốn có quen thuộc của sự vật, hiện tượng xung quanh họ. Ví dụ: Bánh gai, bánh hủi, bánh in, bánh ít... có đặc điểm nổi bật là lấy danh từ riêng (tên gọi) làm hạt nhân để gợi ý cho câu trả lời:

Bánh gì nhọn tựa răng cưa?

(Bánh gai)

Bánh gì cả tháng vẫn kêu chưa vừa?

(Bánh ít)

Bánh gì bị bẹp rõ hoài?

(Bánh tét)

Bánh gì nhỏ, gọi mập đùng?

(Bánh ú)

Bánh gì nên nghĩa sớm trưa vợ chồng?

(Bánh phu thê/xu xê)

Câu đố về các con vật cũng thường theo công thức đã nêu:

Con gì mắt sáng về đêm

Nằm trong bóng tối nhìn em dịu hiền

Chuột kia vừa mới hiện lên

Nghe hơi của nó láo liên chạy dài.

(Con mèo)

*Con gì đi lên đi xuống
Đi dọc đi ngang đều được
Mổ ra không có máu.*

(Con kiến)

Con gì không chân mà đi khắp rừng núi.

(Con rắn)

Con gì kéo giẻ bụi tre

Con gì lại xếp tè he giữa đồng

Con gì đốt lửa trên không

Con gì mà lại chống mông trong vườn.

(Nhện, ếch, đom đóm, ốc)

Con gì - con chi nghĩa như nhau và chúng ta cũng thấy nghệ thuật ngôn từ dân gian vẫn tuân thủ công thức đã nêu:

Con chi chi không chân đi như gió

Con chi chi có mỏ không biết ăn

Con chi chi không răng mà cắn.

(Con rắn, con ác dẹt vải, con kiến)

Con chi ăn mà không uống

Con chi uống mà không ăn.

(Con tầm, con dĩa)

Những câu đố theo công thức *Cái gì... + ...* đặc điểm đồ vật:

Cái gì trong trắng nhẹ nhàng

Chọc qua giàn lá, chẳng làm lá rung.

(Tia nắng)

Cái chi đo đo (hoặc) mặc áo điều đo đo

Ngồi thò lơ sau nường (hay mường).

(Quả dưa)

So sánh ngang bằng: *Vừa bằng* + ... đặc điểm:

Vừa bằng hột lạc, trong nạc ngoài xương.

(Con ốc)

Vừa bằng lá tre, the le mặt nước.

(Con đĩa)

Bằng trang cái đĩa

Đem xỉ xuống ao.

(Trăng)

Nhỏ bằng hột cải

Lớn bằng hột vừng

Không đâu không chân

Ở sông ở biển.

(Hạt cát)

Bằng con gà rần, nằm lẫn trong bụi.

(Quả dưa)

Qua nội dung câu đố liên quan tới ẩm thực, chúng tôi còn nhận thấy cách nhân hóa để tạo ra câu đố khá được chú trọng. Nhân hoá có thể được cấu tạo theo hai cách:

Thứ nhất, dùng những từ chỉ tính chất, hoạt động của con người để biểu thị tính chất, hoạt động của đối tượng không phải con người. Ví dụ:

Một mẹ mà đẻ tám con
Bốn con bạc bụng, ba con xanh đầu
Còn một con nữa chia nhau ăn cùng.

(Quả đất)

Một người có hai mươi tám con mắt
Mỗi con mắt có muôn nghìn hạt châu
Ban ngày rủ rê chơi đâu
Ban đêm hội tụ trên lầu không gian.

(Các ngôi sao)

Mình đen nhanh nhánh
Lốm đốm hạt vừng
Ngoài áo thắt lưng
Hoặc xanh hoặc đỏ
Trong bụng có đồ
Lẩn mẫm với cùi dứa.

(Bánh gai)

Những hình ảnh: *mẹ, con, mắt, mình, vú, bụng, trong, ngoài...* đều là những từ ám chỉ hình dáng và hoạt động của con người nhưng thực chất đó là những từ đã được nhân cách hóa để nói đến hình dáng và đặc tính hoạt động của vật đồ. Đôi khi, câu trả lời của lời đố đem lại cho người đọc những sáng khoái bất ngờ vì sự lạ hóa của nghệ thuật câu đố khi sử dụng thủ pháp nhân cách hóa khá đắt mà dân gian đã vận dụng thành công từ xưa đến nay.

Thứ hai, coi đối tượng không phải con người như con người và tâm tình trò chuyện với nhau. Ví dụ:

*Tội chi đang nắng giữa trời
Tội chi bị trói để nơi kinh thành
Tội chi vào chốn lửa xanh
Mặt cháy mày nám phần mình lao đao
Chờ khi gió chạp cổ cao
Anh hùng gạ gẫm lạc vào tay ai.*

(Bánh trắng)

Đây là lời đố về cái bánh trắng, liên quan đến quá trình sản xuất và tiêu thụ của sản phẩm. Tuy nhiên, qua sự nhào nặn của nghệ thuật ngôn từ dân gian, chúng ta cảm nhận đây là lời tâm sự, trao đổi giữa hai người bạn thân tình, lời khuyên, lời nhắn nhủ gửi tới cho nhau rất thân thiết, thấm đượm tình cảm.

2. Nghệ thuật ngôn từ

Với nội dung về nghệ thuật ngôn từ dân gian thể hiện trong câu đố, chúng tôi chia thành các thủ pháp chính: tu từ - láy từ; từ Hán - Nôm, điển ngữ; cất vần, chiết tự; vừa đố vừa giảng; đố tục, giảng thanh và màu sắc phồn thực.

a) Thủ pháp tu từ - láy từ

Dựa vào lý thuyết về biện pháp tu từ chơi chữ và tri thức về các sự vật, các loài động vật. Người ra đố đã vận dụng linh hoạt tiềm năng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Việt để tạo ra những liên tưởng bất ngờ bằng cách chơi chữ.

Các câu đố còn sử dụng những thủ pháp như lái từ/láy từ theo quy luật đánh tráo, đánh lừa sự chú ý của người nghe. Ví dụ:

*May không chút nào nữa thì lắm
Cau dày không bẻ, bẻ nhằm cau ranh.*

(Canh rau)

*Con chi ở ngay bàn thánh
Tụng kinh rồi búng cánh bay lên.*

(Bánh cúng)¹

*Vật gì đem cúng ngày rằm
Tụng kinh lắm lắm, búng cánh bay lên.*

(Bánh cúng)

Hoặc như:

Chợ trong không bán, bán tránh chợ ngoài.

(Bánh trắng)

Vật dụng nấu nướng cũng được lạ hóa nhờ nghệ thuật
đánh tráo của câu đối:

Cú trong nhà cú ra cú hời.

(Cái hũ)

Cúng từ trên núi, cúng mê cúng mải.

(Cái mủng)

Trên đầu chai có con nai chút chút.

(Nút chai)

Đặc sắc nhất trong các câu đối về con ngựa và con kiến
phải đề cập đến nghệ thuật chơi chữ dân gian:

1. Từ thai là “búng cánh” lấy lại là bánh cúng: loại bánh quăn lá
chuối hình trụ, đổ bằng bột gạo vào hấp. Thường cúng vào ngày rằm.

*Khi đi bằng cửa ngọn
Khi về bằng cửa ngội.*

(Con ngựa)

Bản khác:

Khi đi cửa ngọn, khi về cũng cửa ngọn.

(Con ngựa)

*Kiểm tố vừa đố vừa giảng
Bằng cái nôi ba tha la kiểm tố.*

(Tổ kiến)

Câu đố về cục đất cũng sử dụng nghệ thuật nói lái rất thành công:

Đục rồi cát, cát rồi đục.

(Cục đất)

Ngay cả bản khác của câu đố này cũng hấp dẫn bởi nghệ thuật tu từ dân gian:

*Đục rồi cát,
Cát rồi đục
Cầm đục cát đục.*

(Cục đất)

Ở đây, nghệ thuật nói lái¹ đã được sử dụng khá đắt để tạo ra sự hấp dẫn cho câu đố. Đố và giải đố một cách

1. Câu đố về cái nia, cái sàng khá thú vị nhưng cũng khá khó hiểu:

*Giữa thanh trúc, xung quanh lũy mây
Tôn li, không phải tôn li
Hóa ra tôn li.*

(Cái nia, cái sàng) - Câu đố số 332, tr. 374.

nhANH chóng. Gọi là đố nhưng thực chất chỉ gói gọn trong những thông tin trong những từ ngữ cuối câu đã được tráo vị trí của từ, đó là:

Búng cánh - *bánh cúng*

Bán tránh - *bánh tráng*

Cú hời - *cái hũ*

Nai chút - *nút chai*

Cúng mãi - *cái mừng*

Cưa ngọn - *con ngựa*

Cửa ngội - *cưỡi ngựa*

Kiến tổ - *tổ kiến*

Cất đục - *cục đất*.

Nghệ thuật nói lái trong câu đố cũng thường được sử dụng trong những tiểu loại văn học dân gian khác - truyện cười¹.

Những phân tích trên cho thấy sự lạ hoá của hình ảnh đố bắt nguồn từ các biện pháp tu từ. Muốn thử tài người chơi, người ra đố bằng cách này hay cách khác tạo những lời đố vừa đẹp, vừa đạt đích giao tiếp. Có thể nói, đây cũng là một cách làm cho tiếng Việt ngày càng phong phú hơn trong lối diễn đạt của mình, góp phần làm nên sự kì diệu của ngôn ngữ lời nói dân gian.

1. Chuyện kể về anh chàng ngốc đã máy móc làm theo lời vợ dặn. Khi đi qua nơi đang có hỏa hoạn thì anh ta thấy đông người, tưởng có đám cưới vui vẻ nên cũng hồ hởi hét lên: Tốt đôi, tốt đôi. Thấy vậy, dân làng quay ra đánh cho anh ta một trận vì tội đốt nhà (Tốt đôi = *Tôi đốt*).

b) Sử dụng từ đồng âm dị nghĩa

Từ đồng âm dị nghĩa đã được vận dụng trong việc tạo câu đố khá đắt về mặt sử dụng ngôn từ. Trí tuệ dân gian phải có những liên hệ cụ thể mà vẫn tạo ra được yếu tố đột xuất, bất ngờ nhưng vẫn quen thuộc cho nội dung các câu đố.

Có 2 câu đố về cá voi và cá mè nhưng nội dung câu đố là nghệ thuật chơi chữ dân gian:

Cái gì khác họ cùng tên

Cái ở dưới nước, cái trên mái nhà.

(Con cá mè, cái rui mái nhà)

Ông sống ở dưới nước

Ông sống ở trên rừng

Trùng tên không trùng họ

Ông lỗ mũi mọc trên lưng

Ông lỗ mũi mọc thò lò trước miệng.

(Cá voi, con voi)

c) Sử dụng từ Hán - Nôm, điển ngữ

Cũng là một trong những thủ pháp nghệ thuật được sử dụng khá hữu hiệu. Để ra được câu đố và giải được câu đố, bắt buộc cả người đố lẫn người giải phải biết chữ Nho. Có lẽ gốc gác của những câu đố này là do các thầy đồ làm ra mà mục đích ban đầu của nó là dạy cho học trò. Sau này, những kiến thức chữ nghĩa đó dần dần thâm nhập vào đời sống dân gian và trở nên quen thuộc trong đời sống người dân. Có thể đánh giá đây cũng là một thủ pháp nhằm lạ hóa đối tượng câu đố khiến người nghe phải đoán